

Số: 37/TB-CTHADS

Bến Tre, ngày 08 tháng 01 năm 2021

**THÔNG BÁO**  
**Về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản kê biên**

Căn cứ Điều 56 Luật đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 05/2012/KDTM-ST ngày 25/10/2012 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 53/QĐ-CTHADS ngày 20/11/2014 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-CTHADS ngày 10/11/2014 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh về việc rút hồ sơ thi hành án;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế kê biên số 05/QĐ-CTHADS ngày 08/5/2015 của Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;

Ngày 11/8/2015, Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre phối hợp với các ngành và Ủy ban nhân dân xã An Hiệp, huyện Châu Thành cưỡng chế kê biên, quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của Nguyễn Thanh Hùng, sinh năm 1962 - địa chỉ: số 339/27 Lê Văn Sỹ, phường 13, quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh;

Cục Thi hành án dân sự tỉnh thông báo lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản như sau:

**Tài sản kê biên là 14 thửa, bất động sản là quyền sử dụng đất, công trình xây dựng và cây trồng gắn liền trên đất** thuộc các thửa số 161, 166, 133, 167, 168, 121-2, 135, 159, 193-2, 186, 169, 194-4, 192-2, 218, tờ bản đồ số 02, tọa lạc xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre do Nguyễn Thanh Hùng đang quản lý, sử dụng (có kèm theo chứng thư số 0647/08.20/THA/BTE/EXIMA ngày 14/8/2020). Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có giá khởi điểm là 6.064.752.000đ (Sáu tỷ, không trăm sáu mươi bốn triệu, bảy trăm năm mươi hai ngàn đồng).

Tổ chức bán đấu giá được lựa chọn phải có các tiêu chí như sau:

- Có phương án đấu giá khả thi, hiệu quả;
- Có năng lực kinh nghiệm và uy tín tổ chức bán đấu giá;
- Mức thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp;
- Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ tư pháp công bố;

Cục Thi hành án dân sự tỉnh thông báo trong thời gian 10 ngày (kể từ ngày thông báo và đăng trang thông tin điện tử của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre), các tổ chức đấu giá có tham gia đấu giá tài sản thì nộp hồ sơ đăng ký gửi về Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre - Địa chỉ số 406<sup>E</sup>, đường Đồng Văn Công, khu phố Mỹ Tân, phường 7, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. (Trang thông tin điện tử của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre: <http://thads.moj.gov.vn/bentre>)

Hết thời gian thông báo không có tổ chức đấu giá nào đăng ký thì Cục Thi hành án dân sự tỉnh chọn tổ chức đấu giá tài sản đúng theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Các tổ chức BDG trong tỉnh BT;
- Cục trưởng (báo cáo);
- VKSND tỉnh (giám sát);
- Cổng thông tin điện tử Cục THADS (đăng tải);
- Lưu: VT, HSTHA, Liệt (2b).



Công ty Exima ước tính giá trị 14 (Mười bốn) bất động sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của ông Nguyễn Thanh Hùng tọa lạc tại xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo đề nghị thẩm định giá của Khách hàng vào thời điểm 10/8/2020 như sau:

**BẢNG CHI TIẾT**

STT	Hạng mục	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá	CLCL %	Thành tiền
<b>I</b>	<b>Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 02 tại xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre</b>					<b>245.844.720</b>
<b>1</b>	<b>Quyền sử dụng đất</b>					<b>194.788.000</b>
-	Đất LUC vị trí 1	885,4	m <sup>2</sup>	220.000		194.788.000
<b>2</b>	<b>Công trình xây dựng</b>					<b>18.056.720</b>
-	Công rào	33,6	m <sup>2</sup>	1.208.000	40%	16.235.520
-	Hàng rào	116,0	m <sup>2</sup>	157.000	10%	1.821.200
<b>3</b>	<b>Cây trồng trên đất</b>					<b>33.000.000</b>
-	Dừa loại 1	22	cây	1.500.000		33.000.000
<b>II</b>	<b>Thửa đất số 166, tờ bản đồ số 02 tại xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre</b>					<b>805.973.013</b>
<b>1</b>	<b>Quyền sử dụng đất</b>					<b>590.607.600</b>
-	Đất LUC vị trí 1	2105,4	m <sup>2</sup>	220.000		463.188.000
-	Đất LUC vị trí 2	689,5	m <sup>2</sup>	184.800		127.419.600
<b>2</b>	<b>Công trình xây dựng</b>					<b>3.365.413</b>
-	Hàng rào	142,9	m <sup>2</sup>	157.000	15%	3.365.413
<b>3</b>	<b>Cây trồng trên đất</b>					<b>212.000.000</b>
-	Dừa loại 1	16	cây	1.500.000		24.000.000
-	Bưởi loại 1	94	cây	2.000.000		188.000.000
<b>III</b>	<b>Thửa đất số 133, tờ bản đồ số 02 tại xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre</b>					<b>327.262.317</b>
<b>1</b>	<b>Quyền sử dụng đất</b>					<b>226.060.560</b>
-	Đất LUC Vị trí 1	727,5	m <sup>2</sup>	220.000		160.050.000
-	Đất LUC Vị trí 2	357,2	m <sup>2</sup>	184.800		66.010.560
<b>2</b>	<b>Công trình xây dựng</b>					<b>1.201.757</b>
-	Hàng rào	51	m <sup>2</sup>	157.000	15%	1.201.757
<b>3</b>	<b>Cây trồng trên đất</b>					<b>100.000.000</b>
-	Dừa loại 1	20	cây	1.500.000		30.000.000
-	Bưởi loại 1	35	cây	2.000.000		70.000.000
<b>IV</b>	<b>Thửa đất số 167, tờ bản đồ số 02 tại xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre</b>					<b>533.914.175</b>
<b>1</b>	<b>Quyền sử dụng đất</b>					<b>364.481.040</b>
-	Đất LUC vị trí 2	1972,3	m <sup>2</sup>	184.800		364.481.040
<b>2</b>	<b>Công trình xây</b>					<b>1.433.135</b>
-	Hàng rào	60,9	m <sup>2</sup>	157.000	15%	1.433.135
<b>3</b>	<b>Cây trồng trên đất</b>					<b>168.000.000</b>



-	Bưởi loại 1	84	cây	2.000.000		168.000.000
<b>V</b>	<b>Thửa đất số 168, tờ bản đồ số 02 tại xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre</b>					<b>1.203.211.960</b>
<b>1</b>	<b>Quyền sử dụng đất</b>					<b>830.411.960</b>
-	Đất LUC vị trí 2	1387,1	m <sup>2</sup>	184.800		256.336.080
-	Đất LUC vị trí 3	4377,5	m <sup>2</sup>	130.200		569.950.500
-	Đất LUC vị trí 4	37,3	m <sup>2</sup>	110.600		4.125.380
<b>2</b>	<b>Cây trồng trên đất</b>					<b>372.800.000</b>
-	Dừa loại 1	43	cây	1.500.000		64.500.000
-	Bưởi loại 1	153	cây	2.000.000		306.000.000
-	Cau (có trái)	46	cây	50.000		2.300.000
<b>VI</b>	<b>Thửa đất số 121 - 2, tờ bản đồ số 02 tại xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre</b>					<b>883.078.280</b>
-	Đất LUC vị trí 2	1066,3	m <sup>2</sup>	184.800		197.052.240
-	Đất LUC vị trí 3	4893,3	m <sup>2</sup>	130.200		637.107.660
-	Đất LUC vị trí 4	442,3	m <sup>2</sup>	110.600		48.918.380
<b>VII</b>	<b>Thửa đất số 135, tờ bản đồ số 02 tại xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre</b>					<b>358.338.295</b>
<b>1</b>	<b>Quyền sử dụng đất</b>					<b>275.019.360</b>
-	Đất LUC vị trí 2	1488,2	m <sup>2</sup>	184.800		275.019.360
<b>2</b>	<b>Công trình xây dựng</b>					<b>2.818.935</b>
-	Hàng rào	119,7	m <sup>2</sup>	157.000	15%	2.818.935
<b>3</b>	<b>Cây trồng trên đất</b>					<b>80.500.000</b>
-	Dừa loại 1	27	cây	1.500.000		40.500.000
-	Bưởi loại 1	20	cây	2.000.000		40.000.000
<b>VIII</b>	<b>Thửa đất số 159, tờ bản đồ số 02 tại xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre</b>					<b>365.823.973</b>
<b>1</b>	<b>Quyền sử dụng đất</b>					<b>286.199.760</b>
-	Đất LUC vị trí 2	1548,7	m <sup>2</sup>	184.800		286.199.760
<b>2</b>	<b>Công trình xây dựng</b>					<b>1.724.213</b>
-	Hàng rào	73,2	m <sup>2</sup>	157.000	15%	1.724.213
<b>3</b>	<b>Cây trồng trên đất</b>					<b>77.900.000</b>
-	Dừa loại 1	25	cây	1.500.000		37.500.000
-	Bưởi loại 1	15	cây	2.000.000		30.000.000
-	Mít loại 4	104	cây	100.000		10.400.000
<b>IX</b>	<b>Thửa 193-2 tờ bản đồ số 2 tại xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.</b>					<b>152.876.600</b>
	Đất LUC	2065,9	m <sup>2</sup>	74.000		152.876.600
<b>X</b>	<b>Thửa đất số 186, tờ bản đồ số 02 tại xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre</b>					<b>355.531.170</b>

<b>Thành, tỉnh Bến Tre.</b>						
<b>1</b>	<b>Quyền sử dụng đất</b>					<b>296.001.800</b>
-	Đất CLN	1840	m <sup>2</sup>	153.000		281.520.000
-	Đất LUC	195,7	m <sup>2</sup>	74.000		14.481.800
<b>2</b>	<b>Công trình xây dựng</b>					<b>5.629.370</b>
-	Hàng rào	166,89	m <sup>2</sup>	157.000	15%	3.930.260
-	Nhà 01	26,0	m <sup>2</sup>	435.000	15%	1.699.110
<b>3</b>	<b>Cây trồng trên đất</b>					<b>53.900.000</b>
-	Nhãn loại 1	27	cây	700.000		18.900.000
-	Bưởi loại 1	4	cây	2.000.000		8.000.000
-	Dừa loại 1	18	cây	1.500.000		27.000.000
<b>XI</b>	<b>Thửa đất số 169, tờ bản đồ số 02 tại xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre</b>					<b>401.350.782</b>
<b>1</b>	<b>Quyền sử dụng đất</b>					<b>339.644.700</b>
-	Đất CLN	2219,9	m <sup>2</sup>	153.000		339.644.700
<b>2</b>	<b>Công trình xây dựng</b>					<b>9.406.082</b>
-	Nhà	37,3	m <sup>2</sup>	507.500	15%	2.840.224
-	Sân xi măng	102,6	m <sup>2</sup>	157.000	30%	4.832.460
-	Hàng rào	73,6	m <sup>2</sup>	157.000	15%	1.733.398
<b>3</b>	<b>Cây trồng trên đất</b>					<b>52.300.000</b>
-	Dừa loại 1	21	cây	1.500.000		31.500.000
-	Mít loại 4	208	cây	100.000		20.800.000
<b>XII</b>	<b>Thửa 194-4 tờ bản đồ số 2 tại xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre</b>					<b>120.901.200</b>
-	Đất LUC	1633,8	m <sup>2</sup>	74.000		120.901.200
<b>XIII</b>	<b>Thửa 192-2 tờ bản đồ số 2 tại xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre</b>					<b>109.801.200</b>
-	Đất LUC	1483,8	m <sup>2</sup>	74.000		109.801.200
<b>XIV</b>	<b>Thửa 218 tờ bản đồ số 2 tại xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre</b>					<b>200.844.605</b>
<b>1</b>	<b>Quyền sử dụng đất</b>					<b>161.349.600</b>
-	Đất LUC	2180,4	m <sup>2</sup>	74.000		161.349.600
<b>2</b>	<b>Công trình xây dựng</b>					<b>2.495.005</b>
-	Hàng rào	105,9	m <sup>2</sup>	157.000	15%	2.495.005
<b>3</b>	<b>Cây trồng trên đất</b>					<b>37.000.000</b>
-	Dừa loại 1	23	cây	1.500.000		34.500.000
-	Dâu loại 1	5	cây	500.000		2.500.000
<b>TỔNG CỘNG</b>						<b>6.064.752.289</b>